

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 933^A/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 03/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên)

Tên ngành, nghề: Tài chính ngân hàng

Mã ngành, nghề: 5340202

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2,0 năm. Trong đó:

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa: 0,5 năm (*bổ trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn*).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo Cán bộ thực hành về Tài chính ngân hàng trình độ trung cấp có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

+ Nắm được các kiến thức cơ bản về quy trình và chức năng của phân tích tài chính trong doanh nghiệp

+ Nắm được kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ trong ngân hàng như: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, nghiệp vụ ngân hàng trung ương, tín dụng và các dịch vụ ngân hàng...

+ Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tài chính – ngân hàng để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trên thực tế, từ đó đề xuất các giải pháp để cải thiện tình hình tài chính trong doanh nghiệp

+ Thành thạo về các ứng dụng tin học và tin học hoá trong công tác tín dụng và kế toán ngân hàng.

- Về kỹ năng:

+ Có kỹ năng thực hành thành thạo một số nghiệp vụ chủ yếu của tài chính ngân hàng để có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là các kỹ năng tín dụng, kế toán ngân hàng, kỹ năng kho quỹ, kỹ năng phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư.

+ Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành Tài chính ngân hàng trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phân biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.

+ Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.

+ Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

+ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.

+ Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Chính trị, đạo đức:

+ Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giao dịch viên tại các ngân hàng;
- Chuyên viên tín dụng tại các ngân hàng;
- Nhân viên phòng tài chính của các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 62 Tín chỉ - 1.410 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1155 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 401 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 943 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TL, BT	Kiểm tra
I	Các môn học chung					
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
LAW121(MH)	Pháp luật	1	15	9	5	1
PHE121(MH)	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MIE141(MH)	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
GIF131(MH)	Tin học	2	45	15	29	1
ENG131(MH)	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
	Tổng (I)	12	255	94	148	13
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
ECL131(MH)	Luật kinh tế	3	45	22	20	3

FAM121(MH)	Tài chính tiền tệ	2	30	16	12	2
AIS141(MĐ)	Tin học ứng dụng	4	60	25	30	5
ACP131(MH)	Nguyên lý kế toán	3	45	22	20	3
MES131(MH)	Kinh tế vi mô	3	45	22	20	3
	Tổng (II.1)	15	225	107	102	16
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
BFE251(MĐ)	Tài chính doanh nghiệp	5	120	27	90	3
BMT231(MĐ)	Quản trị ngân hàng	3	75	25	45	5
BAT251(MĐ)	Kế toán ngân hàng	5	120	27	90	3
TER231(MĐ)	Soạn thảo văn bản	3	75	25	45	5
CBG241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4	90	30	54	6
CTB241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	4	75	41	30	4
CBS241(MĐ)	Tín dụng và các dịch vụ ngân hàng	3	75	25	45	5
PPE341(MĐ)	Thực hành nghề nghiệp	4	120	0	114	6
PEE341(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	4	180	0	180	0
	Tổng (II.2)	35	930	200	693	37
	Tổng (II)	50	1155	307	795	53
	Tổng cộng	62	1410	401	943	66

Ghi chú:

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số: 66,8%.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập trải nghiệm): 943 giờ (Trong đó: Giờ thực tập trải nghiệm = 800 giờ).

- Quy định về thời lượng:

+) 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+) 1 giờ học lý lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- **Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:**

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp >10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS
NGÀNH NGHỀ: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung/đại cương										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	33			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF111(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	27			
ENG131(MH)	Tiếng Anh	Tích hợp	4	90	30	56	4		60		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	75	90	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
ECL131(MH)	Luật kinh tế	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45			
FAM121(MH)	Tài chính tiền tệ	Lý thuyết	2	30	16	12	2	30			
AIS141(MĐ)	Tin học ứng dụng	Tích hợp	4	60	25	30	5	60			

ACP131(MH)	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45			
MES131(MH)	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45			
	Tổng (II.1)		15	225	107	102	16	225	0	0	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										
BFE251(MĐ)	Tài chính doanh nghiệp	Tích hợp	5	120	27	90	3		120		
BMT231(MĐ)	Quản trị ngân hàng	Tích hợp	3	75	25	45	5	75			
BAT251(MĐ)	Kế toán ngân hàng	Tích hợp	5	120	27	90	3		120		
TER231(MĐ)	Soạn thảo văn bản	Tích hợp	3	75	25	45	5			75	
CBG241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
CTB241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Tích hợp	4	75	41	30	4			75	
CBS241(MĐ)	Tín dụng và các dịch vụ ngân hàng	Tích hợp	3	75	25	45	5			75	
PPE341(MĐ)	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6				120
	Học văn hóa	Thực hành	4	180	0	180	0				180
	Tổng (II.2)		35	930	200	693	37	75	240	315	300
	Tổng II		50	1155	307	795	53	300	240	315	300
Tổng cộng			62	1410	401	943	66	375	330	360	300
	Tổng giờ theo HK							375	330	360	300

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT
NGÀNH NGHỀ: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung/đại cương										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	33			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF111(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	27			
ENG131(MH)	Tiếng Anh	Tích hợp	4	90	30	56	4		60		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	75	90	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
ECL131(MH)	Luật kinh tế	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45			
FAM121(MH)	Tài chính tiền tệ	Lý thuyết	2	30	16	12	2	30			
AIS141(MĐ)	Tin học ứng dụng	Tích hợp	4	60	25	30	5	60			

ACP131(MH)	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45			
MES131(MH)	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45			
	Tổng (II.1)		15	225	107	102	16	225	0	0	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										
BFE251(MĐ)	Tài chính doanh nghiệp	Tích hợp	5	120	27	90	3		120		
BMT231(MĐ)	Quản trị ngân hàng	Tích hợp	3	75	25	45	5	75			
BAT251(MĐ)	Kế toán ngân hàng	Tích hợp	5	120	27	90	3		120		
TER231(MĐ)	Soạn thảo văn bản	Tích hợp	3	75	25	45	5		75		
CBG241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
CTB241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Tích hợp	4	75	41	30	4			75	
CBS241(MĐ)	Tín dụng và các dịch vụ ngân hàng	Tích hợp	3	75	25	45	5			75	
PPE341(MĐ)	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6			120	
PEE341(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	Thực hành	4	180		180					180
	Tổng (II.2)		35	930	200	693	37	75	315	360	180
	Tổng II		50	1155	307	795	53	300	315	360	180
	Tổng cộng		62	1410	401	911	68	375	405	405	180
	Tổng giờ theo HK							375	405	405	180

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của ngành Tài chính ngân hàng được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 21/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 654*).

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 654.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng